

KẾ HOẠCH

Triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc (Thỏa thuận GCM), Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đề ra Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM (Kế hoạch) trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sự phát triển của đất nước sau hơn 30 năm đổi mới, cùng với quá trình mở cửa và hội nhập quốc tế đã thúc đẩy nhu cầu và tạo điều kiện cho công dân Việt Nam đi lao động, học tập, du lịch, làm việc và cư trú ở nước ngoài. Sau hơn 10 năm Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nhu cầu đi lại làm ăn, học tập, lao động, du lịch, chữa bệnh của người dân ngày càng phong phú. Mặc dù chưa được thống kê đầy đủ nhưng số lượng công dân Việt Nam hiện đang lao động, học tập và sinh sống ở nước ngoài hiện đã lên đến nhiều triệu người, quy mô di cư ngày càng gia tăng, lý do di cư ngày càng trở nên phức tạp hơn, đặc biệt với sự tham gia đông đảo của phụ nữ và trẻ em. Nguyên nhân chủ yếu đối với di cư nữ không chỉ do hôn nhân, hay đoàn tụ gia đình mà còn là lý do kinh tế và mong ước có được cuộc sống tốt đẹp hơn thông qua di cư.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý di cư quốc tế, tạo môi trường di cư minh bạch, dễ tiếp cận, tôn trọng nhân phẩm của người di cư, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của họ, đặc biệt là các nhóm đặc thù, phụ nữ và trẻ em.

Tuyên truyền rộng rãi và có chiều sâu Thỏa thuận GCM cũng như các vấn đề di cư đến các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân trong xã hội nhằm nâng cao nhận thức và hành động đối với di cư hợp pháp, an toàn, từ đó giúp người dân lựa chọn, quyết định đúng đắn về di cư, tránh bị lôi kéo, dụ dỗ ra nước ngoài qua các kênh di cư không chính thức.

Tăng cường cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành và địa phương trong quản lý di cư bao gồm quản lý công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài và người nước ngoài tại Việt Nam dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu, thông tin



được chia sẻ và thường xuyên cập nhật nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao năng lực ứng phó đối với các vấn đề di cư, nhất là trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để mở rộng, củng cố các kênh hợp tác về lao động, giáo dục,... qua đó tạo thuận lợi cho di cư hợp pháp, an toàn; tranh thủ sự hỗ trợ về nguồn lực và kỹ thuật của các nước, các tổ chức liên quan hướng đến mục tiêu chung là quản trị di cư toàn cầu hiệu quả và có lợi cho tất cả.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo phù hợp với Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng như các cam kết quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên; sát với tình hình thực tiễn, lấy yếu tố con người làm trung tâm, trong đó lồng ghép yếu tố giới và phát triển bền vững.

Xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên để đảm bảo hiệu quả việc thực hiện Kế hoạch; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành địa phương, sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan trong quá trình triển khai thực hiện.

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn triển khai Thỏa thuận GCM cần được tiến hành thường xuyên, kịp thời, đầy đủ đến các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tuyên truyền, phổ biến thông tin về Thỏa thuận GCM, các vấn đề di cư quốc tế thuộc phạm vi trong và ngoài nước; tăng cường năng lực trong triển khai Thỏa thuận GCM tại địa phương

Tuyên truyền, vận động, phổ biến, nâng cao nhận thức về Thỏa thuận GCM và các vấn đề di cư quốc tế (di cư hợp pháp, an toàn; di cư trái phép; mua bán người...), hướng tới các đối tượng là cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thực thi pháp luật liên quan đến di cư quốc tế, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan, cộng đồng doanh nghiệp, người dân. Việc tuyên truyền phải có nội dung phù hợp với giới tính, độ tuổi, dân tộc, trình độ dân trí, đặc điểm của từng địa phương, dễ tiếp cận, có trọng điểm,... và bằng các hình thức đa dạng.

Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh các thông tin rõ ràng, minh bạch về di cư (hướng dẫn, tư vấn, khuyến cáo, cảnh báo liên quan đến di cư quốc tế; thị trường lao động nước ngoài; chính sách cấp thị thực; quyền của người di cư,...).

Nâng cao năng lực cán bộ các cấp (nhất là cấp cơ sở), các ngành, các cơ quan, tổ chức tham gia triển khai Thỏa thuận GCM nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý di cư, hỗ trợ và bảo vệ người di cư, lưu ý các nhóm đặc thù, phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số.

2. Thu thập thông tin, dữ liệu về công dân di cư ra nước ngoài và người nước ngoài vào tỉnh

Theo dõi, rà soát, cập nhật thông tin, dữ liệu về di cư quốc tế (lao động; học tập; kết hôn có yếu tố nước ngoài; nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài; di cư trái phép; mua bán người; lao động cưỡng bức; người không quốc tịch; người di cư trở về,...); tiếp tục quản lý, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

Nghiên cứu lồng ghép các nội dung liên quan đến di cư trong các cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở để bổ sung điều tra về tình trạng di cư (nguyên nhân di cư; ngày xuất cảnh, nhập cảnh gần nhất; quốc gia cư trú trong thời gian 05 năm trước khi diễn ra tổng điều tra dân số và nhà ở,...).

Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đăng ký và hỗ trợ công dân Việt Nam ở nước ngoài bao gồm các thông tin cơ bản về công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài với các mục đích khác nhau.

Xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia về di cư dựa trên việc kết nối, tích hợp với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan, nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả, phục vụ công tác hoạch định chính sách, pháp luật về di cư.

3. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật và triển khai thực hiện

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến di cư quốc tế để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc nảy sinh trong quá trình triển khai Thỏa thuận GCM.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch liên quan đến di cư quốc tế đã được phê duyệt.

Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền Trung ương hoàn thiện, ban hành đồng bộ các giải pháp, chính sách kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình của Việt Nam (chính sách về giảm nghèo, an sinh xã hội, gắn với việc làm bền vững, bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ, trẻ em gái,...) nhằm giảm thiểu các nhân tố dẫn tới di cư trái phép, giúp người dân có quyết định đúng đắn về di cư, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng toàn diện, bền vững, “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Lồng ghép các vấn đề di cư vào Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, đồng thời rà soát, cập nhật và đẩy mạnh việc triển khai Kế hoạch này.

4. Nghiên cứu, dự báo tình hình, chính sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ liên quan đến các vấn đề di cư

Nghiên cứu, phân tích, dự báo về tình hình và triển vọng thế giới và khu vực có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động di cư và người di cư (bất ổn chính trị, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm xuyên biên giới,...) để cá nhân, cơ quan,

tổ chức liên quan kịp thời nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó, cảnh báo nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người di cư.

Tìm hiểu, đánh giá quy định, chính sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ về di cư quốc tế (thị thực, bảo hiểm, việc làm, cư trú, quốc tịch, hộ tịch, chính sách an sinh xã hội đối với người di cư và quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm pháp luật sở tại,...), đặc biệt là dự báo những xu hướng mới để kịp thời đề xuất các điều chỉnh chính sách phù hợp với tình hình.

Tiếp tục theo dõi tình hình người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tại Việt Nam để kiến nghị giải pháp phù hợp nhằm quản lý hiệu quả và tạo thuận lợi cho người di cư hòa nhập với cộng đồng sở tại, đảm bảo có cơ hội công bằng về học tập, làm việc, phát triển cũng như phát huy vai trò và đóng góp của mình đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc thực hiện Thỏa thuận GCM

Tích cực, chủ động tham gia các diễn đàn quốc tế và khu vực về di cư để khẳng định trách nhiệm, nỗ lực của Việt Nam trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Tăng cường nghiên cứu, đề xuất ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế, ký kết thỏa thuận quốc tế cũng như tham gia các cam kết quốc tế về di cư phù hợp với lợi ích của Việt Nam nhằm thúc đẩy di cư hợp pháp, an toàn và trật tự, phòng chống di cư trái phép, phòng, chống mua bán người, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người di cư, đặc biệt chú ý đến các nhóm đặc thù, phụ nữ và trẻ em.

Tổ chức triển khai hiệu quả các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và các cam kết quốc tế về di cư mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với luật pháp và điều kiện của Việt Nam; đánh giá kết quả và đề xuất giải pháp.

Thu hút, tranh thủ nguồn lực quốc tế trong quá trình triển khai Thỏa thuận GCM để nâng cao năng lực cho các cơ quan liên quan của Việt Nam cũng như tăng cường hiệu quả công tác quản lý di cư tại địa phương.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Ngoại vụ:

Tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch và định kỳ hàng năm tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Ngoại giao và cơ quan liên quan; tổ chức sơ kết và tổng kết thực hiện Kế hoạch; xây dựng Báo cáo của tỉnh về đánh giá việc triển khai Thỏa thuận GCM.

Tham mưu UBND tỉnh trong việc xây dựng chủ trương, chính sách về vấn đề di cư quốc tế, phù hợp với chính sách, pháp luật, điều kiện của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Thường xuyên cập nhật thông tin, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân di cư ra nước ngoài phù hợp với tình hình di cư của công dân hiện nay.



Cử cán bộ tham gia thành viên Nhóm công tác liên ngành về triển khai Thỏa thuận GCM khi có yêu cầu từ các cơ quan liên quan.

2. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng tổng hợp số liệu công dân di cư trở về trên địa bàn tỉnh; số liệu công dân xuất cảnh hợp pháp và trái phép ra nước ngoài, công dân đi lao động, cư trú trái phép ở nước ngoài, công dân bị bán ra nước ngoài; thống kê số lượng người nước ngoài cư trú trên địa bàn tỉnh (mục đích làm việc, học tập và người nước ngoài cư trú, lao động trái phép).

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổng hợp báo cáo số liệu lưu học sinh học bổng trên địa bàn tỉnh, số lượng du học sinh sau khi kết thúc thời gian học tập ở nước ngoài về nước; người nước ngoài học tập trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tư pháp

Tổng hợp số liệu công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài, công dân Việt Nam được cho nhận con nuôi quốc tế; nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện chính sách, pháp luật về quốc tịch, hộ tịch của người di cư và các vấn đề di cư quốc tế liên quan.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan quản lý, thống kê số liệu công dân di cư trở về, số liệu công dân xuất cảnh hợp pháp và trái phép ra nước ngoài qua các cửa khẩu đường bộ, đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý; công dân bị mua bán ra nước ngoài.

Thống kê số lượng người nước ngoài nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới, người nước ngoài di cư, sinh sống và làm việc tại các khu vực giáp biên giới; tăng cường quản lý biên giới, đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động di cư trái phép và đưa người di cư trái phép, mua bán người qua đường bộ, đường biển.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Thống kê số liệu về lao động của tỉnh ở nước ngoài theo các hình thức; số lượng lao động người nước ngoài được cấp phép làm việc tại tỉnh; phối hợp với các ngành chức năng và địa phương kịp thời phát hiện người nước ngoài cư trú, lao động trái phép trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định đối với các trường hợp di cư hợp pháp.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo, đài địa phương, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử các huyện, thành phố; Đài Phát thanh huyện, thành phố, hệ thống thông tin cơ sở phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao

nhận thức của người dân và xã hội về các vấn đề di cư quốc tế, di cư với phát triển bền vững, Thỏa thuận GCM và tình hình triển khai Thỏa thuận này.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhằm giảm thiểu các nhân tố dẫn tới tình trạng di cư trái phép, mua bán người trên địa bàn thuộc quyền quản lý.

Chỉ đạo các cơ quan chức năng địa phương nắm chắc tình hình an ninh, trật tự liên quan đến hoạt động di cư tại địa phương; số lượng công dân di cư ra nước ngoài, người nước ngoài tại địa phương và người di cư hồi hương trở về để có biện pháp quản lý, hỗ trợ phù hợp theo thẩm quyền.

9. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động tham gia triển khai các nhiệm vụ nêu trên và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này định kỳ hàng năm gửi báo cáo 6 tháng (trước ngày 10/7) và báo cáo năm (trước ngày 10/11) về Sở Ngoại vụ theo nội dung tại Phụ lục 1 và 2 kèm theo Kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Ngoại vụ) để chỉ đạo, giải quyết kịp thời. *lll*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Ngoại giao;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (Đảng, CQ, ĐT, DNNN);
- UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức CT-XH;
- Các tổ chức XH-NN;
- Lãnh đạo Văn phòng
- P.VHXXH, P.NCPC, P.TH;
- Lưu: VT, nvthanh.

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng

Phụ lục 1

(Kèm theo Kế hoạch số: 79 /KH-UBND ngày 24 / 5 / 2020 của UBND tỉnh)

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU DI CƯ QUỐC TẾ

Kỳ báo cáo:...

Cơ quan báo cáo:...

Đơn vị tính:

Người

A	Số liệu thống kê di cư quốc tế của công dân Việt Nam	Tổng số	Trong đó		
			Nữ	Dân tộc Kinh	Dân tộc khác
I	Số liệu công dân Việt Nam di cư hợp pháp				
1	Lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng*				
	Chia theo trình độ chuyên môn				
	Chia theo khu vực thị trường, quốc gia				
	Chia theo nhóm tuổi				
	Chia theo lĩnh vực ngành, nghề				
	Chia theo mức lương				
	Chia theo thời gian làm việc theo hợp đồng				
2	Lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hình thức khác				
	Lao động tự do				
	Lao động theo các hình thức khác				
	Lưu ý: tiêu chí thống kê như mục I.1				
3	Lưu học sinh học bổng**				
	Chia theo quốc gia				
	Chia theo trình độ đào tạo				
	Chia theo ngành học				
	Chia theo nhóm tuổi				
4	Lưu học sinh tự túc**				
	Lưu ý: tiêu chí thống kê như mục I.3				
5	Công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài				
	Chia theo quốc gia (người nước ngoài mang quốc tịch)				
	Chia theo nhóm tuổi				
6	Công dân Việt Nam được cho nhận con nuôi quốc tế				
	Chia theo thỏa thuận, hiệp định hợp tác giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ về nuôi con nuôi				
	Chia theo quốc gia				
	Chia theo nhóm tuổi				
7	Số liệu công dân Việt Nam di cư trở về				



7.1	Lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài kết thúc hợp đồng về nước*				
	<i>Chia theo trình độ chuyên môn</i>				
	<i>Chia theo khu vực thị trường, quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo lĩnh vực ngành, nghề</i>				
	<i>Chia theo mức lương</i>				
	<i>Chia theo nguyên nhân di cư trở về</i>				
7.2	Công dân Việt Nam kết thúc thời gian học tập ở nước ngoài về nước				
7.2.1	Lưu học sinh học bổng				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7.2.2	Lưu học sinh tự túc				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7.3	Công dân Việt Nam di cư trở về thuộc các nhóm đối tượng khác				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
8	Số liệu công dân xuất cảnh				
	<i>Xuất cảnh qua đường bộ</i>				
	<i>Xuất cảnh qua đường hàng không</i>				
	<i>Xuất cảnh qua đường biển</i>				
II	Số liệu công dân Việt Nam di cư trái phép và bị mua bán ra nước ngoài				
1	Công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép				
	<i>Chia theo hình thức xuất cảnh: qua đường hàng không, đường bộ, đường biển</i>				
	<i>Chia theo phương thức di cư trái phép: sử dụng giấy tờ nhân thân giả mạo, thị thực giả mạo...</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi xuất cảnh</i>				
	<i>Chia theo quốc gia đến</i>				
2	Công dân Việt Nam lao động, cư trú trái phép ở nước ngoài				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
3	Công dân Việt Nam bị mua bán ra nước ngoài*				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi bị mua bán ra nước ngoài</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo nước bị mua bán ra nước ngoài</i>				
	<i>Chia theo hành vi mua bán người</i>				
4	Số liệu công dân Việt Nam là nạn nhân bị mua bán được hỗ trợ*				

	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú</i>				
	<i>Chia theo các dịch vụ hỗ trợ theo quy định (hỗ trợ thiết yếu ban đầu, hỗ trợ y tế, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý, vay vốn sản xuất, trợ cấp khó khăn ban đầu, số tiền được vay)</i>				
	<i>Chia theo trình độ học vấn, nghề nghiệp</i>				
	<i>Chia theo cơ sở hỗ trợ nạn nhân/ cơ sở bảo trợ xã hội</i>				
B	Số liệu người nước ngoài di cư vào Việt Nam	Tổng số	Trong đó nữ:	Ghi chú	
I	Người nước ngoài được cấp phép làm việc tại Việt Nam				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo ngành nghề</i>				
	<i>Chia theo vị trí công việc</i>				
II	Người nước ngoài học tập tại Việt Nam**				
1	Lưu học sinh theo Hiệp định				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
2	Lưu học sinh ngoài Hiệp định				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
III	Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam ngoài mục đích làm việc, học tập nêu tại mục I và mục II				
	<i>Chia theo mục đích</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
IV	Người nước ngoài di cư trái phép vào Việt Nam				
1	Người nước ngoài nhập cảnh trái phép				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo mục đích</i>				
	<i>Chia theo hình thức nhập cảnh trái phép: qua đường bộ, đường hàng không, đường biển</i>				
2	Người nước ngoài cư trú, lao động trái phép				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				

Lưu ý:

Kỳ hạn báo cáo: 6 tháng đầu năm tính từ ngày 01/01 đến 30/6 ; kỳ báo cáo 6 tháng cuối năm tính từ 01/7 đến 31/12 hàng năm.

Chia theo nhóm tuổi: Tùy vào loại hình di cư và quy định có liên quan, nhìn chung được chia theo các nhóm tuổi như sau: dưới 16 tuổi; 16-18 tuổi; 18-24 tuổi; 25-40 tuổi; 40-60 tuổi; trên 60 tuổi.

Chú thích:

Lưu học sinh học bổng: là công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài từ ngân sách Nhà nước, học bổng trong khuôn khổ Hiệp định, thỏa thuận hợp tác giữa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế, học bổng do Chính phủ nước ngoài, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế hoặc cá nhân tài trợ thông qua Chính phủ Việt Nam.

Lưu học sinh tự túc: là công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài bằng kinh phí không phải từ nguồn kinh phí như lưu học sinh học bổng.



**Phụ lục 2**

(Kèm theo Kế hoạch KH-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**I. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện****1. Tình hình**

- Cung cấp số liệu công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài tính đến ngày 01/11 hàng năm (theo Biểu mẫu thống kê tại Phụ lục 1); đánh giá xu hướng di cư của công dân tại địa phương.
- Cung cấp số liệu người nước ngoài tại Việt Nam; nêu một số vấn đề nổi cộm.

2. Kết quả triển khai thực hiện

- 2.1. Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg: nêu thời gian, cấp độ triển khai, số buổi, số lượng người tham gia.
- 2.2. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện: việc ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg: nêu tên văn bản, trích yếu nội dung, số, ngày tháng năm ban hành văn bản.
- 2.3. Công tác triển khai Chỉ thị số 1737/CT-TTg ngày 20/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài trong tình hình hiện nay, theo các nhiệm vụ trọng tâm tại Kế hoạch và Phụ lục kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg.

II. Đánh giá, kiến nghị

- 1. Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
- 2. Kiến nghị (nếu có)

Lưu ý: Báo cáo việc triển khai Kế hoạch định kỳ gửi về Sở Ngoại vụ để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, ký gửi Bộ Ngoại giao./.